TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 14/2018/QĐST-HNGĐ	*Năm Căn, ngày 08 tháng 02 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 08/2018/TLST/HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Bé D, sinh năm 1990.

Bị đơn: Anh Nguyễn K, sinh năm 1987.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Cao Ánh H, sinh năm 1963.

Cùng cư trú tại địa chỉ: Ấp Nh, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 59, Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Bé D và anh Nguyễn K (Nguyễn K H).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị Trần Bé D và anh Nguyễn K (Nguyễn K H) thuận tình ly hôn với nhau.

2.2. Về nuôi con chung: Có hai người con tên Nguyễn Ánh N, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2009, (nữ) và Nguyễn T2, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2011, (nam) hiện đang sống chung với anh K. Khi ly hôn anh K trực tiếp nuôi dưỡng Ánh N và T2, không yêu cầu chị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Về chia tài sản chung:

- Chị Trần Bé D được sở hữu 1,9 lượng vàng 24k từ bà Cao Ánh H giao và 04 chỉ vàng 18k mà chị D đang quản lý.

Chị D có trách nhiệm giao lại cho anh K 04 chỉ vàng 18k mà chị D đang quản lý.

- Anh Nguyễn K được sở hữu 1,9 lượng vàng 24k từ bà Cao Ánh H giao và 04 chỉ vàng 18k từ chị D giao.

- Bà Cao Ánh H có trách nhiệm giao lại cho chị D và anh K mỗi người 1,9 lượng vàng 24k.

2.4. Về công nợ: Các đương sự tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí:

- Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, các đương sự phải nộp 50% bằng 150.000 đồng, (chị D và anh K mỗi người nộp ½ bằng 75.000 đồng) chị D đồng ý nộp toàn bộ bằng 150.000 đồng.

- Án phí chia tài sản chung có giá ngạch 5%, các đương sự nộp 50%.

+ Chị D phải chịu số tiền án phí là 1.912.250 đồng.

Ngày 08 tháng 01 năm 2018, chị D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.409.125 đồng tại Biên lai thu tiền số 0015742 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, chị D được nhận lại 346.875 đồng.

+ Anh K phải chịu số tiền án phí là 1.912.250 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền